

CHỦ ĐỀ 4: MẸ VÀ GIA ĐÌNH THÂN YÊU CỦA BÉ
Thời gian thực hiện: 4 Tuần (từ 02/12 đến 27/12/2024)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
<i>a. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>				
1	- Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: + 2 tay giơ cao, hạ xuống. + 2 tay đưa ra phía trước, hạ xuống. + 2 đưa sang ngang, hạ xuống. + 2 tay đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Nghiêng người sang 2 bên. + Vặn người sang 2 bên. - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân.	- Hô hấp: + Tập hít vào, thở ra - Tay: + 2 tay giơ cao, hạ xuống. + 2 tay đưa ra phía trước, hạ xuống. + 2 đưa sang ngang, hạ xuống. + 2 tay đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Nghiêng người sang 2 bên. + Vặn người sang 2 bên. - Chân: + Ngồi xuống, đứng lên + Co duỗi từng chân.	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp	* Tập đi, chạy: + Chạy theo hướng thẳng * Tập nhún bật + Bật xa bằng 2 chân	* Chơi – tập có chủ định: -VĐ: + Chạy theo hướng thẳng + Bật xa bằng 2 chân * Hoạt động chơi - TC: + Ném bóng vào rổ + Đuổi theo bóng	
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	* Tập tung, ném, bắt: - Ném bóng vào đích	* Chơi – tập có chủ định: -VĐ: Ném bóng vào đích * Hoạt động chơi - TC: Bóng tròn to	

4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	* Tập bò, trườn - Trườn chui qua cổng	* Chơi – tập có chủ định: - VĐ: Trườn chui qua cổng * Hoạt động chơi - TC: Trời nắng trời mưa	
6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé	* Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời - Chơi ở các khu vực chơi - HDG: Góc thao tác vai: Bế em, cho em ăn, ru em ngủ... - TCM: Đoán vật, chầm và nổi, tắm cho em, ném bóng vào chậu	
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...	- Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - Đóng cọc bàn gỗ. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối.	* Chơi – tập có chủ định: HĐVĐV: - Xâu vòng màu xanh, đỏ - Xếp cái cổng - Di màu chân dung mẹ - Xếp ngôi nhà * Hoạt động chơi - Chơi tự do ở các góc trong giờ đón, trả trẻ	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh: Rửa tay (sau khi chơi, trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh) - Thực hành rửa tay bằng xà phòng - Giờ ăn: Trò chuyện về các loại thức ăn, biết ăn chín uống chín, ăn nhiều loại thức ăn. Trước khi ăn phải mời, khi được sự cho phép mới được ăn....	
9	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Trong giờ ngủ: Rèn nề nếp, thói quen ngủ 1	

			giấc buổi trưa	
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Hoạt động vệ sinh: Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định	
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Xúc cơm, uống nước - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn: + Tổ chức giờ ăn cho trẻ. + Quan sát và đàm thoại với trẻ về cách sử dụng một số đồ dùng đúng cách và sử dụng được các từ: ca, cốc, bát, thìa.. + Thực hành: Sử dụng cốc uống nước, sử dụng bát, thìa ... - Giờ ngủ: Tập thói quen cho trẻ chuẩn bị chỗ ngủ như lấy/cát gối, lấy/ cát thảm...- - Nói với cô giáo khi có nhu cầu đi vệ sinh, ăn, ngủ...	
12	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Mặc quần áo đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời (đội mũ, mặc quần áo ấm khi ra ngoài trời chơi, cởi và thay quần áo khi bẩn dưới sự giúp đỡ của cô...) - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video dạy kỹ năng tự mặc và cởi quần áo và giáo dục trẻ: Không được vút dép, tắt, quần áo...phải	

			cất vào tủ của mình, để đúng nơi quy định.	
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	* Hoạt động chơi: - Đạo chơi ngoài trời: Không dẫm lên hột hạt, nơi trơn trượt, không lại gần bếp nóng, không leo trèo cây, lan can, cầu thang...	
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: Không cầm chơi các vật sắc nhọn, không leo chèo nắp bể, giếng... - Giờ đón, trả trẻ: Cho trẻ xem video về một số tai nạn thường gặp, trò chuyện cùng trẻ. Cho trẻ xem video không được nghịch các vật sắc nhọn. - Giáo dục và nhắc nhở trẻ trong khi ăn không được nô đùa tránh hóc, sặc, không được ngậm thìa, không ăn canh nóng...	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a. Luyện tập và phối hợp các giác quan

15	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đồ dùng trong gia đình.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt – chua- mặn) - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn	* Hoạt động chơi– tập có chủ định: HDNB - Nhận biết đồ dùng để uống (cái cốc, cái chén) - Nhận biết đồ dùng để nấu ăn - Trò chuyện về mẹ của bé - Nhận biết về ông bà của bé * Hoạt động chơi - DCNT (Chơi theo ý	
----	--	---	---	--

		(nhấn)-xù xì	thích: chơi với bóng, thả hạt, chơi cặp cua...) - Chơi tự do trong giờ đón trẻ, trả trẻ, chơi buổi chiều	
<i>b. Nhận biết</i>				
17	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên của cô giáo, các bạn nhóm/lớp - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định - Nhận biết đồ dùng để uống (cái cốc, cái chén) - Nhận biết đồ dùng để nấu ăn - Trò chuyện về mẹ của bé - Nhận biết về ông bà của bé - Rèn trẻ biết yêu thương giúp đỡ những người thân trong gia đình	
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, con vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của một số đồ dùng gần gũi trong gia đình.	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: Nhận biết một số đồ dùng trong gia đình	
20	- Trẻ biết chỉ / nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / vàng / xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, vàng, xanh	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - HĐVDV: + Xâu vòng màu xanh, đỏ + Xếp cái cổng + Di màu chân dung mẹ + Xếp ngôi nhà * Hoạt động chơi góc, dạo chơi ngoài trời - Chơi tự do trong giờ đón trẻ, trả trẻ, chơi buổi chiều	
21	Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước (to/nhỏ) theo	- Hình tròn, hình vuông	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: - HĐVDV: + Xếp cái cổng	

	yêu cầu		+ Xếp ngôi nhà	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
<i>a. Nghe</i>				
22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: Đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - Chơi tự do theo ý thích (Dạo chơi ngoài trời) - Các hoạt động trong ngày của trẻ.	
23	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?”...)	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?” - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: Giao tiếp với trẻ trong giờ đón, trả trẻ * Chơi – tập có chủ định: sử dụng được các từ: Cái cốc, cái chén, cái bát, cái thìa, giường, tủ... * Hoạt động chơi: - Chơi tự do ngoài trời. - Chơi ở các góc chơi theo ý thích - Nghe các câu hỏi: Cái bát này dùng để làm gì? Cô có cái gì đây? Giường này dùng để làm gì?... * Chơi – tập có chủ định:	
24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	* Chơi – tập có chủ định: - Truyện: Vịt con lông vàng - Xem tranh ảnh video và gọi tên các nhân vật - Cho trẻ đọc các bài đồng dao ca dao hò vè (Nu na nu nống, kéo cưa lừa xẻ)	
<i>b, Nói</i>				
25	- Trẻ phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng	* Hoạt động chơi - tập có chủ định: Thơ - Nụ cười của bé	

26	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.		- Cháu yêu bà - Yêu mẹ - Xem tranh ảnh và phát âm các từ: Nụ cười, đi làm, thịt cá, kê má, bông hoa, cả nhà...	
27	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - tập có chủ định * Hoạt động chơi * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “ Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “ Chào các bạn”, “ Con uống nước”, “ Con muốn đi vệ sinh”... + Cái bàn, cái ghế, cái cốc...	
28	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”...	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?” - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi - tập có chủ định * Hoạt động góc, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh - Nghe, hiểu, sử dụng được các từ: “ Chào cô giáo”, “Chào bố”, “Chào mẹ”, “ Chào các bạn”, “ Con uống nước”, “ Con muốn đi vệ sinh”...	
29	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	* Hoạt động chơi tập có chủ định: + Truyện: Vịt con lông vàng	

			+ Thơ: Nụ cười của bé, cháu yêu bà, mẹ và cô, yêu mẹ - Hoạt động giao lưu cảm xúc: Chơi tự do ở các góc trong giờ đón, trả trẻ	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
32	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Giao tiếp trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động chơi – tập có chủ định - Thích trả lời các câu hỏi của cô * Hoạt động chơi - Chơi ở các góc chơi tự do, dạo chơi ngoài trời * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân - Trong giờ ngủ - Trong giờ ăn + Thể hiện được nhu cầu của mình với cô giáo, với các bạn.	
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trong giờ đón trẻ, trả trẻ * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: Trong giờ ăn - Nghe, hiểu và sử dụng được các từ: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”.	
37	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Giao tiếp với người xung quanh - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi	* Hoạt động giao lưu cảm xúc. * Hoạt động chơi: - HĐG: Góc phân vai (Bế em, cho em ăn, thay quần áo cho em, nấu ăn, bác sĩ khám bệnh...) - Nghe, hiểu và sử	

			dụng được các từ: Bé búp bê, ru em ngủ.	
38	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn	* Hoạt động giao lưu cảm xúc - Chơi trong giờ đón trả trẻ. * Hoạt động chơi: - Chơi tự do các góc. - Chơi ngoài trời. - Chơi trò chơi mới.	
39	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp như: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	* HĐ chơi - tập có chủ định - Thực hành xếp thẳng hàng tập bài tập vận động * Hoạt động chơi (cắt đồ chơi “HĐG, DCNT, chơi theo ý thích trong giờ đón, trả trẻ”) * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh (Xếp hàng rửa tay. Ví dụ: Thực hành xếp thẳng hàng rửa tay...)	
40	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. Nghe âm thanh của các nhạc cụ	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - Hát: Cháu yêu bà - Hát: Cả nhà thương nhau - VĐTN: Cháu yêu bà, chim mẹ chim con.	
41	- Trẻ thích tô màu, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệnh ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xếp hình - Xem tranh	* Hoạt động chơi – tập có chủ định: Âm nhạc - NH: Mẹ yêu không nào, chiếc khăn tay * Hoạt động chơi - TC: Ai đoán đúng, thi xem ai nhanh * Hoạt động chơi – tập có chủ định: HĐVDV - Xâu vòng màu xanh, đỏ - Xếp cái cống - Di màu chân dung mẹ - Xếp ngôi nhà	

			* Hoạt động chơi: - HDG (Góc nghệ thuật) - DCNT (Chơi tự do: Chơi với phấn.....)	
--	--	--	--	--

Tổng: 32 mục tiêu

NGƯỜI LẬP

KÍ DUYỆT BGH

Lù Thị Thu Hương

Hoàng Thị Lệ Hằng